

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 68 /2023/HSST

Ngày 20/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị K

Bà Nguyễn Thị T

-Thư ký phiên toà: Ông Bùi Đức T, Thư ký Toà án nhân dân thành phố N - tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh N tham gia phiên toà:
Ông Lê Quang Đ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2023/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HS ngày 06/6/2023 đối với bị cáo:

Vũ Ngọc T - sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không. Tại N. Nơi cư trú: Thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Vũ Đức T (Đã chết) và bà Điền Thị V. Vợ: Bùi Thị Thùy L (Đã ly hôn). Con: Có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án: Tại bản án số 30/2020/HSST ngày 26/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh N xử phạt Vũ Ngọc T 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 23/01/2022 (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44 ngày 27/12/2017, Vũ Ngọc T bị Công an thành phố N xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/02/2023, chuyển tạm giam ngày 01/03/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thành phố N. Có mặt.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Thái H sinh năm 1975 trú tại ngõ 151, đường Lý Nhân Tông, phố Bắc Phong, phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Poscom.

Trụ sở: Tầng 21, tòa nhà Capital Tower, số 109, đường Trần Hưng Đạo, phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Tuấn, chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thái H sinh năm 1975 trú tại ngõ 151, đường Lý Nhân Tông, phố Bắc Phong, phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn G sinh năm 1987, trú tại phố P, phường B, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn P sinh năm 1993, trú tại thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

- Chị Vũ Thị Kim O sinh năm 1989 trú tại thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 19/02/2023, Vũ Ngọc T và Phạm Văn P cùng ngồi uống bia tại khu vực đường Nguyễn Văn Cừ, phường Thanh Bình, thành phố N. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, sau khi uống bia xong thì T rủ P đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, P nói “*Không có tiền*”, T bảo P “*Cứ gọi đi có gì đổi đứt bằng điện thoại của T*” thì P đồng ý. Sau đó, P gọi cho một người nam giới tên Chín (P không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 01 túi ma túy đá với giá 500.000 đồng và đổi bằng một chiếc điện thoại thì Chín đồng ý và hẹn P đến khu vực nhà văn hóa phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố N để mua ma túy. T và P thống nhất tiền mua ma túy sẽ chia đôi, mỗi người góp 250.000 đồng để mua ma túy, do P chưa có tiền nên P sẽ trả lại cho T sau. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision Biển kiểm soát 35B2-713.97 chở P ngồi sau đi đến điểm hẹn mua ma túy. Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 20/02/2023, khi đi đến khu vực ngõ 151, đường Lý Nhân Tông, phố Bắc Phong, phường Nam Bình, thành phố N, T quan sát thấy 01 chiếc xe ô tô hiệu Ford Ranger Biển kiểm soát 29H-423.42 (là tài sản mà anh Nguyễn Thái H đang quản lý của Công ty CPTM đầu tư xây dựng POSCOM) đang đỗ dưới lòng đường, sát vỉa hè phía trước cửa nhà. Vũ Ngọc T nhìn thấy không có ai trông coi, xung quanh không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc gương xe ô tô để bán lấy tiền tiêu xài. T hỏi P “*Bể gương không*”, P nói “*Tùy mày*” – Ý của P là tùy T muốn làm gì thì làm, P không tham gia. Sau đó P ngồi trên xe mô tô cách xe ô tô của

anh H khoảng 5m còn T đi bộ đến gần chiếc xe ô tô dùng hai tay bẻ ngược chiếc gương chiếu hậu bên phải theo chiều từ dưới lên trên làm gãy cụm gương rồi dùng tay rút dây điện ra khỏi mối nối, T ôm chiếc gương vào người đi đến chỗ P đang dùng xe. T để chiếc gương lên chỗ để chân phía trước xe mô tô và tiếp tục chờ P đi đến điểm hẹn mua ma túy. Khi đi được một đoạn thì T dừng xe lại, bỏ chiếc gương vừa trộm cắp được vào trong cốp xe mô tô rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô chờ P đi đến điểm hẹn mua ma túy. Do bị lạc đường nên T chờ P quay lại tìm đường. Khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, T và P lại đi đến chỗ chiếc xe ô tô hiệu Ford Ranger Biển kiểm soát 29H-423.42 của anh H. Khi đi đến cách chiếc xe ô tô khoảng 10m, T dừng xe lại hỏi P “*Bé nữa không*” thì P bảo “*Kệ mày*” – Ý của P là tùy T muốn làm gì thì làm, P không tham gia. Sau đó P vẫn ngồi trên xe mô tô còn T xuống xe đi bộ lại gần chiếc xe ô tô, dùng hai tay bẻ chiếc gương chiếu hậu bên trái còn lại rồi cầm chiếc gương ra để trên yên xe mô tô tại vị trí giữa người T và P. P nói với T “*Tao không cầm*” thì T nói “*Đi ra ngoài kia rồi bỏ vào cốp*”. T điều khiển xe chờ P đi được một đoạn thì dừng lại mở cốp xe, P cầm chiếc gương bỏ vào cốp xe mô tô. T tiếp tục điều khiển xe mô tô chờ P đi đến khu vực nhà văn hóa phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố N để đợi Chín mang ma túy đến. Khoảng 15 phút sau, Chín một mình điều khiển xe mô tô đi đến, T đưa cho Chín chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 của T, Chín cầm điện thoại rồi đưa cho T 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (1x1)cm, bên trong chứa chất dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá, T cầm túi ma túy bỏ vào túi quần phía trước bên trái rồi chờ P đi tìm nơi sử dụng. Trên đường đi, T đi qua nhà anh Phạm Văn Giáp (là bạn của T). T gọi anh Giáp ra mở cửa và xin gửi nhờ 02 chiếc gương vừa trộm cắp được tại nhà anh Giáp (T không nói cho anh Giáp biết đây là tài sản do mình trộm cắp được). Sau đó T chờ P đi ra khu vực bờ đê thuộc địa phận thôn Vĩnh Tiến, xã Ninh P, thành phố N. Tại đây T và P đã cùng nhau sử dụng hết số ma túy vừa mua được.

Sáng ngày 20/02/2023, khi anh H dậy lấy xe ô tô đi làm thì phát hiện 02 chiếc gương chiếu hậu cùng 02 mắt camera 360⁰ hiệu Elliview V4 lắp trên 02 gương đã bị kẻ gian bị trộm cắp nên trình báo Công an phường Nam Bình giải quyết vụ việc. Công an phường Nam Bình đã tiến hành xác minh, chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan điều tra đã kiểm tra Camera an ninh tại nhà anh Dương Mạnh Chiến ở số nhà 23, phố Phong Sơn, phường Nam Bình, thành phố N đồng thời tiến hành sao trích hình ảnh của Vũ Ngọc T khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào 01 đĩa DVD màu vàng dung lượng 4,7GB và niêm phong theo quy định của pháp luật. Sau đó Cơ quan điều tra đã triệu tập Vũ Ngọc T đến làm việc, T đã có đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision Biển kiểm soát 35B2-713.97. Ngoài ra còn thu giữ của anh Phạm Văn

Giáp 02 chiếc gương chiếu hậu xe ô tô hiệu Ford Ranger Biển kiểm soát 29H-423.42 cùng 02 mắt camera 360⁰ hiệu Elliview V4 lắp trên gương.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 24/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N kết luận: 01 gương chiếu hậu bên trái xe ô tô hiệu Ford Ranger có giá trị là 3.000.000 đồng, 01 gương chiếu hậu bên phải xe ô tô hiệu Ford Ranger có giá trị là 3.000.000 đồng; 02 mắt camera 360⁰ hiệu Elliview V4 có giá trị là 3.000.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản Vũ Ngọc T đã trộm cắp là 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Vũ Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Vũ Ngọc T đã tác động gia đình, nhờ mẹ là bà Điền Thị Vinh bồi thường cho anh Nguyễn Thái H số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi nhận đầy đủ số tiền trên, anh H đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSNDTPNB ngày 15/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Vũ Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T từ 12 đến 15 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 20/2/2023. Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho anh Nguyễn Thái H 02 gương ô tô có gắn camera 360⁰. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền 200.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].*Về hành vi phạm tội*: Lợi dụng đêm tối, không có người trông coi, khi phát hiện có chiếc xe ô tô hiệu Ford Ranger Biển kiểm soát 29H-423.42 để ở bên lề đường tại khu vực ngõ 151, đường Lý Nhân Tông, phố Bắc Phong, phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N (là tài sản mà anh Nguyễn Thái H sử dụng của Công ty Cổ phần TM đầu tư xây dựng POSCOM), Vũ Ngọc T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt các

gương xe ô tô hiện đang lắp trên vị trí gương xe ô tô và đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 20/02/2023, Vũ Ngọc T đã bẻ và chiếm đoạt 01 chiếc gương chiếu hậu bên phải có gắn kèm 01 mắt camera 360⁰ của chiếc xe ô tô. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.500.000đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục quay lại tiếp tục bẻ và chiếm đoạt 01 chiếc gương chiếu hậu bên trái có gắn kèm 01 mắt camera 360⁰ của chiếc xe ô tô. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.500.000đồng.

Tổng giá trị tài sản Vũ Ngọc T đã chiếm đoạt là 9.000.000đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản sao trích dữ liệu camera, biên bản nhận dạng qua video, biên bản giao nhận tài liệu đồ vật, dữ liệu điện tử, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã đủ cơ sở kết luận hành vi lén lút chiếm đoạt của Vũ Ngọc T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố là đúng người đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

.....

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người đã có tiền án tại bản án số 30/2020/HSST ngày 26/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa án tích. Đến nay bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội hai lần, mỗi lần số tiền trên 02 triệu đồng nên thuộc các tình tiết tăng nặng “tái phạm”, “*phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về lịch sử bản thân: ngày 27/12/2017, Vũ Ngọc T bị Công an thành phố N xử phạt 500.000 đồng về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nói với gia đình để gia đình bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù tương xứng, cách ly với xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo lao động thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*: Sau khi bị mất tài sản là 02 chiếc gương xe ô tô có gắn kèm camera 360⁰, trong ngày 20/02/2023 anh Nguyễn Thái H đã đến cửa hàng gương xe ô tô Duy Thanh để phục chế và thay thế 02 gương chiếu hậu (gương đã qua sử dụng được chế lại) cho chiếc xe ô tô hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 29H-423.42 với giá là 6.000.000đồng để phục vụ cho việc đi lại. Đến ngày 21/02/2023, anh Phạm Văn Giáp (là người được bị cáo Vũ Ngọc T gửi nhờ giữ hộ 02 chiếc gương) đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N 02 chiếc gương xe ô tô mà bị cáo T chiếm đoạt. Ngày 01/4/2023, gia đình bị cáo T tự nguyện bồi thường cho anh H số tiền 14.000.000đồng. Anh Nguyễn Thái H có nhu cầu xin nhận lại 02 chiếc gương nói trên mục đích để sau này anh thay thế sửa lại chiếc gương xe ô tô hiệu Ford Ranger biển kiểm soát 29H-423.42 vì đây là đồ nguyên bản theo xe. Anh H không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Xét thấy nguyện vọng xin lại 02 chiếc gương bị trộm cắp của anh H là chính đáng và việc giải quyết dân sự giữa các bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên việc thỏa thuận giải quyết dân sự là xong và cần trả lại cho anh Nguyễn Thái H 02 chiếc gương xe ô tô bị mất là phù hợp với pháp luật.

[4]. *Các vấn đề khác*:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Phạm Văn P quá trình điều tra xác định cả 02 lần trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo Vũ Ngọc T đều rủ P nhưng P đều không tham gia, P không có hành vi giúp sức cho T, cũng không được hưởng lợi gì từ việc trộm cắp tài sản của T. Do vậy, P không đồng phạm với T về tội trộm cắp tài sản.

Đối với hành vi của Vũ Ngọc T và Phạm Văn P góp tiền đi mua ma túy và cùng nhau sử dụng. Công an thành phố N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T và P về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” là phù hợp. Về nguồn gốc số ma túy, quá trình điều tra T và P khai mua của một người nam giới tên Chín (T và P đều không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) tại khu vực nhà văn hóa phố

An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được người nam giới tên Chín, vì vậy Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan để điều tra, xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn G là người cho Vũ Ngọc T gửi 02 chiếc gương xe ô tô mà T trộm cắp được tại nhà của mình. Tuy nhiên anh Giáp không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không vi phạm.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision Biển kiểm soát 35B2-713.97 thu của Vũ Ngọc T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Kim Oanh (là chị gái của T). Tối ngày 19/02/2023, chị Oanh đã cho T mượn xe để đi lại, chị Oanh không biết việc T sử dụng chiếc xe của mình để đi trộm cắp tài sản nên không vi phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị Oanh là có căn cứ, đúng quy định.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt Vũ Ngọc T 15 (mười lăm) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 20/02/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho anh Nguyễn Thái H 02 gương xe ô tô có gắn camera 360⁰.

(Vật chứng có đặc điểm số lượng theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2023 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc T phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N
- VKSND thành phố N
- Công an thành phố N
- Chi cục THA. DS thành phố N
- Thi hành án HS
- Bị cáo
- Người bị hại, người có QLNVLQ.
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích T

